

Bản án số: 115/2024/DS-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Xuân Tác

2. Ông Nguyễn Công Tân

- Thư ký phiên tòa: ông Thân Văn Đông- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 325/2023/TLST-DS ngày 11/12/2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-DS ngày 31/7/2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 21/2024/QĐST-DS ngày 16/8/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 44/2024/QĐST-DS ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đại Thắng, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang chấp hành án tại Đội 10, Phân trại số C, Trại giam N, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thanh Lương, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Tống Văn T1, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 18/5/2011 (âm lịch) vợ chồng bà có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị T vay số tiền là 92.300.000 đồng, lãi suất vay thỏa thuận, thời hạn vay thỏa thuận khi nào cần và đòi thì phải thanh toán trả tiền gốc và tiền lãi. Hai bên có viết giấy biên nhận vay đề ngày 18/5/2011 và có chữ ký của anh H1. Quá trình thực hiện hợp đồng bà đã đòi nhiều lần nhưng anh H1 và chị T không thanh toán trả tiền gốc và tiền lãi cho bà. Bà yêu cầu anh H1, chị T trả bà số tiền gốc là 92.300.000 đồng và tiền lãi là 136.604.000 đồng. Quá trình giải quyết bà H xin rút yêu cầu về việc tính lãi và chỉ yêu cầu anh H1 phải trả số tiền gốc là 92.300.000 đồng. Bà không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm trả tiền cho bà.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Anh và vợ chồng ông T1, bà H có quan hệ quen biết, anh có tham gia chơi phường và bà H là cái phường. Đối với phường do bà H làm cái phường thì có rất nhiều người chơi, khoảng 12 đến 15 người, mỗi tháng anh phải đóng cho bà H 300.000 đồng. Anh đã đóng đầy đủ tiền phường hàng tháng cho bà H và đã lấy phường, phường đó kết thúc xong thì anh bị bắt về tội ma túy. Ban đầu anh xác định không vay của bà H số tiền 92.300.000 đồng. Đối với giấy biên nhận ngày 18/5/2011 (âm lịch) có chữ ký H1 và chữ viết Nguyễn Văn H1 trong giấy biên nhận vay tiền anh xác định không phải chữ ký, chữ viết của anh. Anh đề nghị giám định chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận do bà H cung cấp tại Phòng K Công an tỉnh B.

Ngày 08/7/2024 Phòng K Công an tỉnh B đã có kết luận giám định số 1493/KL-KTHS trong đó kết luận chữ ký, chữ viết “Hường, Nguyễn Văn H1” so với mẫu chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Văn H1 là do cùng một người viết ra.

Anh đã được Tòa án thông báo về kết quả giám định, anh không có ý kiến gì về kết quả giám định. Nay anh thừa nhận chữ ký, chữ viết “Hường, Nguyễn Văn H1” trong giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2011 (âm lịch) với bà Nguyễn Thị H là chữ ký, chữ viết của anh. Anh xác nhận ngày 18/5/2011 (âm lịch) anh có vay của bà H, ông T1 số tiền là 92.300.000 đồng và anh đã ký tên “Hường, Nguyễn Văn H1” vào giấy vay tiền. Do trước đây bà H yêu cầu tính lãi quá cao nên anh mới khai chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền không phải của anh và đề nghị giám định chữ ký.

Nay bà H yêu cầu anh trả số tiền gốc còn nợ là 92.300.000 đồng thì anh đồng ý và xin được trả dần. Số tiền vay này là anh tự vay, không liên quan gì đến vợ anh là chị Nguyễn Thị T.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị là vợ anh H1, vợ chồng chị có mối quan hệ quen biết với bà H. Đối với bà H chị xác định chị chỉ vay tiền của bà H một lần là 5.000.000 đồng vào khoảng năm 2010 và chị đã trả cho bà H rồi, chị không còn nợ bà H số tiền nào nữa. Đối với

khoản tiền vay 92.300.000 đồng theo giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2011 (âm lịch) do bà H giao nộp cho Tòa án thì chị không biết, chị đề nghị Tòa án làm việc với anh H1 để làm rõ. Anh H1 chưa bao giờ kể với chị về khoản vay này. Nay bà H yêu cầu trả số tiền 92.300.000 đồng do chị không vay nên chị không đồng ý trả, chị yêu cầu bà H phải đòi anh H1.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Tổng Văn T1** trình bày:*

Ông là chồng bà H. Anh H1 có vay tiền gia đình ông theo giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 18/5/2011 (âm lịch) tổng số tiền vay là 92.300.000đồng.

Vợ chồng ông đã đòi nhiều lần nhưng anh H1 không trả. Quá trình thực hiện hợp đồng ông bà đã đòi nhiều lần nhưng anh H1 và chị T không thanh toán trả tiền gốc và tiền lãi. Ông bà yêu cầu anh H1, chị T trả ông bà số tiền gốc là 92.300.000 đồng và tiền lãi là 136.604.000 đồng. Quá trình giải quyết bà H xin rút yêu cầu về việc tính lãi và chỉ yêu cầu anh H1 trả số tiền gốc là 92.300.000đồng ông hoàn toàn đồng ý. Ông cũng không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm trả tiền cho ông bà.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu anh H1 trả số tiền gốc 92.300.000đồng. Anh H1, chị T, ông T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H**. Buộc anh **Nguyễn Văn H1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị H** và ông **Tổng Văn T1** số tiền còn nợ 92.300.000đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc tính lãi đối với số tiền anh H1 còn nợ.

Về án phí: Anh **Nguyễn Văn H1** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.615.000 đồng.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do bà H đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các giấy tờ do bà H giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy bà H khởi kiện yêu cầu anh H1 trả số tiền còn nợ là 92.300.000 đồng là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện H vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T, anh H1 chị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các bên xuất trình và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy:

Theo giấy vay tiền mà bà H cung cấp thì thấy: Do mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh H1, chị T nên ngày 18/5/2011 (âm lịch) vợ chồng bà có cho anh H1 vay số tiền là 92.300.000 đồng.

Khi vay đều có giấy biên nhận và có chữ ký của anh H1. Hai bên thỏa thuận khi nào cần thì trả. Mặc dù bà H đã đòi nhiều lần nhưng anh H1 không trả. Quá trình giải quyết vụ án ban đầu anh H1 cho rằng chữ viết, chữ ký “Hường, Nguyễn Văn H1” trong giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2011 (âm lịch) không phải là chữ viết, chữ ký của anh, anh không thừa nhận việc anh vay bà H, ông T1 số tiền 92.300.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi có Kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh B thì anh đã thừa nhận chữ viết, chữ ký “Hường, Nguyễn Văn H1” trong giấy vay tiền ghi ngày 18/5/2011 (âm lịch) do bà H cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết, chữ ký của anh. Anh xác định anh có vay tiền của bà H, ông T1 với số tiền là 92.300.000 đồng. Việc vay mượn này vợ anh hoàn toàn không biết, không liên quan. Do trước đây bà H yêu cầu tính lãi quá cao nên anh mới khai chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền không phải của anh và đề nghị giám định chữ ký.

Chị T xác định chị không biết gì về việc anh H1 vay bà H, ông T1 số tiền 92.300.000 đồng. Đối với kết quả giám định chữ viết, chữ ký “Hường, Nguyễn Văn H1” của Phòng K Công an tỉnh B, ban đầu chị không đồng ý với kết quả giám định. Tòa án đã giải thích và ra thông báo yêu cầu chị nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng nhưng chị không thực hiện, chị cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nào về việc không đồng ý với kết quả giám định.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu anh H1, chị T cùng liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho bà, nay bà chỉ yêu cầu anh H1 trả cho bà số tiền gốc đã vay. Ông T1 hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bà H.

Như vậy, xác nhận việc anh H1 có nợ tiền bà H, ông T1 là đúng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 92.300.000 đồng

là có căn cứ, cần được chấp nhận theo Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi suất thì thấy: Bà **H** xin rút yêu cầu anh **H1** trả lãi đối với số tiền còn nợ. Do đó, cần đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà **H**.

[4] Về án phí: Anh **H1** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 470 Bộ luật Dân sự ; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H**.

Buộc anh **Nguyễn Văn H1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị H** và ông **Tống Văn T1** số tiền nợ gốc là 92.300.000đồng(chín hai triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu bà **Nguyễn Thị H** yêu cầu anh **Nguyễn Văn H1** phải trả bà số tiền lãi đối với số tiền còn nợ.

Kể từ ngày người được thi hành có có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh **Nguyễn Văn H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.615.000 đồng(bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Đào Thị Oanh